

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt trợ giúp xã hội đảm bảo đời sống nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và trong thời kỳ giáp hạt năm 2021**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;*

*Căn cứ Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2020 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Công văn số 4782/LĐTBXH-BTXH ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc trợ giúp xã hội dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 72/SLĐTBXH-BTXH ngày 12 tháng 01 năm 2021 và Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 262/STC-NSHX ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc hỗ trợ gạo đảm bảo đời sống nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và trong thời kỳ giáp hạt năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt hỗ trợ gạo cho người dân đảm bảo đời sống trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và trong thời kỳ giáp hạt năm 2021:

1. Nhu cầu gạo hỗ trợ lương thực trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và lương thực trong thời kỳ giáp hạt đầu năm 2021.

a) Hỗ trợ lương thực trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu:

- Số đơn vị hỗ trợ 3 huyện và 01 đơn vị cấp tỉnh;
- Số hộ hỗ trợ: 1.512 hộ;
- Số khẩu hỗ trợ: 8.361khẩu;
- Thời gian hỗ trợ: 01 tháng;
- Mức hỗ trợ: 15/khẩu/tháng;
- Số gạo đề nghị hỗ trợ: 125.415kg

b) Hỗ trợ lương thực trong thời kỳ giáp hạt đầu năm 2021:

- Số đơn vị hỗ trợ 2 huyện và 01 đơn vị cấp tỉnh;
- Số hộ hỗ trợ: 201 hộ;

- Số khẩu hỗ trợ: 3.726 khẩu;
- Thời gian hỗ trợ: 03 tháng;
- Mức hỗ trợ: 15/khẩu/tháng;
- Số gạo đề nghị hỗ trợ: 162.930kg

2. Kinh phí mua gạo và nguồn kinh phí thực hiện:

a) Tổng số kinh phí: 3.892.657.500 đồng *(Ba tỷ, tám trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng)*

*(Chi tiết theo phụ lục kèm theo)*

b) Nguồn kinh phí: Từ nguồn đảm bảo xã hội trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2021.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính có trách nhiệm thực hiện bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, bổ sung dự toán ngân sách cho đơn vị cấp tỉnh để thực hiện.

2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn các huyện, các đơn vị tổ chức thực hiện.

3. Chủ tịch UBND các huyện, thủ trưởng các đơn vị được hỗ trợ kinh phí mua gạo có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí đúng mục tiêu; thực hiện hỗ trợ gạo kịp thời, công khai, dân chủ, đúng đối tượng, đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, theo quy định có sự giám sát của các tổ chức đoàn thể và các sở, ban ngành có liên quan; Thực hiện thanh quyết toán theo quy định hiện hành và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về quản lý sử dụng nguồn kinh phí này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Các đơn vị có tên tại Phụ lục kèm theo Quyết định và Thủ trưởng các ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- TTr Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.BTXH11

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đầu Thanh Tùng**

## PHỤ LỤC

### Dự toán kinh phí mua gạo hỗ trợ đảm bảo đời sống nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và trong thời kỳ giáp hạt năm 2021

(Kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày   /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Đơn vị	Số hộ	Số khẩu	Thời gian hỗ trợ (tháng)	Số gạo hỗ trợ (01 khẩu/tháng)	Số gạo đề nghị hỗ trợ (kg)	Giá gạo (đ/kg)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)
	<b>Tổng số</b>							<b>3.892.657.500</b>
<b>I</b>	<b>Nhu cầu Hỗ trợ lương thực trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu</b>	<b>1.512</b>	<b>8.361</b>			<b>125.415</b>		<b>1.693.102.500</b>
1	Huyện Quan Hóa	136	447	1	15	6.705	13.500	90.517.500
2	Huyện Thường Xuân	1.212	4.290	1	15	64.350	13.500	868.725.000
3	Huyện Quan Sơn	164	661	1	15	9.915	13.500	133.852.500
4	Hội viên Hội Người mù tỉnh		2.963	1	15	44.445	13.500	600.007.500
<b>II</b>	<b>Nhu cầu Hỗ trợ lương thực trong thời kỳ giáp hạt đầu năm</b>	<b>201</b>	<b>3.726</b>			<b>162.930</b>		<b>2.199.555.000</b>
1	Huyện Quan Hóa	136	447	3	15	20.115	13.500	271.552.500
2	Huyện Quan Sơn	65	316	2	15	9.480	13.500	127.980.000
3	Hội viên Hội Người mù tỉnh		2.963	3	15	133.335	13.500	1.800.022.500